



anviet
Certified Public Accountants

Công ty TNHH Kiểm toán An Việt
www.anvietcpa.com

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ BỈM SƠN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Ngô Sỹ Túc	Chủ tịch
Ông Trần Văn Chương	Ủy viên
Ông Tạ Duy	Ủy viên
Ông Mai Việt Dũng	Ủy viên
Ông Nguyễn Hữu Kiệm	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Văn Chương	Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Tịnh	Phó giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 01/04/2016)
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó giám đốc (nghỉ hưu từ ngày 01/04/2016)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

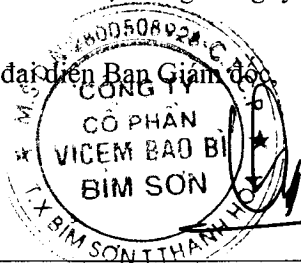
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



Trần Văn Chương
Giám đốc

Thanh Hóa, ngày 22 tháng 02 năm 2017

Số: 18 /2017/ BCKT -AVI- TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 22 tháng 02 năm 2017, từ trang 5 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh số 12 trong bản Thuyết minh Báo cáo tài chính: Công ty thay đổi thời gian khấu hao ước tính của 3 tài sản cố định là Máy tạo sợi, máy dệt và máy dựng ống bao từ quý 4 năm 2016 (giảm từ 96 tháng về 72 tháng và 60 tháng); toàn bộ chi phí khấu hao tăng thêm được Công ty tính vào giá thành sản phẩm sản xuất trong quý 4 năm 2016. Ban Giám đốc Công ty đánh giá việc thay đổi thời gian khấu hao của các máy nói trên là phù hợp với kế hoạch đổi mới công nghệ sản xuất đã được Hội đồng quản trị Công ty thông qua.



Vũ Bình Minh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán 0034-2015-055-1

Ngô Việt Thanh
Kiểm toán viên
Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán 1687-2015-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2017

51
ÔN
NH
ỀM
N
TRU

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MÃ SỐ B01 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		205.728.656.680	168.190.916.335
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		9.991.437.503	968.785.187
1. Tiền	111	5	9.991.437.503	968.785.187
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	2.637.036.200	2.351.703.300
1. Chứng khoán kinh doanh	121		4.997.454.550	4.997.454.550
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(2.360.418.350)	(2.645.751.250)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		166.783.428.179	146.170.316.621
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	166.831.858.813	143.643.970.173
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		55.000.000	-
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	143.299.366	2.966.755.348
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(246.730.000)	(440.408.900)
IV. Hàng tồn kho	140	11	26.198.509.382	18.585.529.146
1. Hàng tồn kho	141		26.198.509.382	18.585.529.146
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		118.245.416	114.582.081
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		24.220.773	22.240.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		71.222.011	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	22.802.632	92.342.081
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.229.072.873	17.746.019.729
II. Tài sản cố định	220		8.229.072.873	17.601.982.061
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	8.229.072.873	17.601.982.061
- Nguyên giá	222		109.670.519.152	108.506.809.405
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(101.441.446.279)	(90.904.827.344)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	144.037.668
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	144.037.668
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		213.957.729.553	185.936.936.064

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

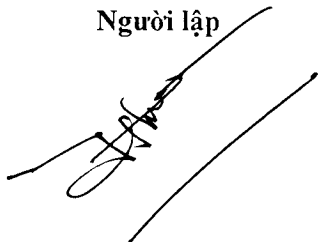
MẪU SỐ B01 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		114.802.494.900	95.566.357.357
I. Nợ ngắn hạn	310		114.802.494.900	95.566.357.357
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	41.004.788.125	32.455.359.659
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	919.159.256	1.808.562.683
3. Phải trả người lao động	314		9.654.484.292	7.690.303.007
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	354.902.333	969.236.986
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	760.520.982	242.895.022
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	60.000.000.000	52.400.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.108.639.912	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		99.155.234.653	90.370.578.707
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	99.155.234.653	90.370.578.707
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		38.000.000.000	38.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		38.000.000.000	38.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.590.000.000	4.590.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		39.644.232.779	37.260.002.161
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.921.001.874	10.520.576.546
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		16.921.001.874	10.520.576.546
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		213.957.729.553	185.936.936.064

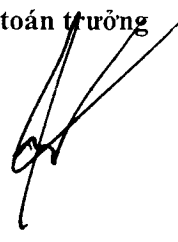
Thanh Hóa, ngày 22 tháng 02 năm 2017

Người lập



Nguyễn Đình Huy

Kế toán trưởng



Mai Việt Dung



Trần Văn Chương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

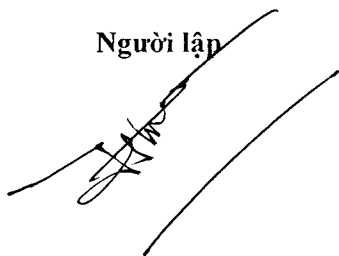
MẪU SỐ B02 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2016	2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	330.654.141.165	293.883.650.991
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	6.229.480	5.221.920
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	20	330.647.911.685	293.878.429.071
4. Giá vốn hàng bán	11	21	278.824.260.510	258.208.406.992
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		51.823.651.175	35.670.022.079
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	62.167.660	151.626.918
7. Chi phí tài chính	22	23	2.849.536.792	2.992.427.945
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.132.534.443	2.825.027.502
8. Chi phí bán hàng	25	24	5.592.735.708	4.244.972.585
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	22.140.569.532	15.146.164.445
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21.302.976.803	13.438.084.022
11. Thu nhập khác	31		67.829.181	82.807.678
12. Chi phí khác	32		164.192.113	120.000
13. Lợi nhuận khác	40		(96.362.932)	82.687.678
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21.206.613.871	13.520.771.700
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	4.285.611.997	3.000.195.154
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		16.921.001.874	10.520.576.546
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	4.453	1.827

Thanh Hóa, ngày 22 tháng 02 năm 2017

Người lập

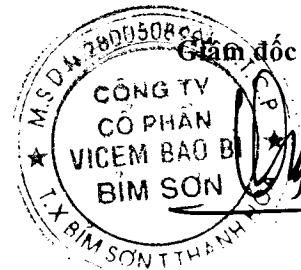


Nguyễn Đình Huy

Kế toán trưởng



Mai Viết Dụng



Trần Văn Chương

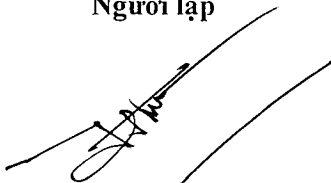
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

MẪU SỐ B03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2016	Năm 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	21.206.613.871	13.520.771.700
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	10.536.618.935	7.238.535.456
- Các khoản dự phòng	03	(285.332.900)	166.206.400
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(62.057.326)	(150.721.795)
- Chi phí lãi vay	06	3.132.534.443	2.825.027.502
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	34.528.377.023	23.599.819.263
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(20.498.700.136)	(31.676.537.613)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(7.468.942.568)	5.280.628.965
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	9.504.500.449	(203.248.388)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.980.773)	(22.240.000)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3.109.162.221)	(2.834.350.280)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.386.272.837)	(2.919.884.921)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.583.800.000)	(5.766.821.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh	20	6.984.018.937	(14.542.634.874)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.163.709.747)	(241.145.455)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	62.057.326	150.721.795
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.101.652.421)	(90.423.660)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	152.600.000.000	157.800.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(145.000.000.000)	(144.200.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.459.714.200)	(3.805.483.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	3.140.285.800	9.794.516.500
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	9.022.652.316	(4.838.542.034)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	968.785.187	5.807.327.221
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	9.991.437.503	968.785.187

Thanh Hóa, ngày 22 tháng 02 năm 2017

Người lập

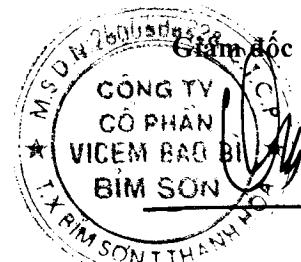


Nguyễn Đình Huy

Kế toán trưởng



Mai Việt Dung



Trần Văn Chương

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn hoạt động theo các Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 07/06/1999; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 02 số 2800508928 ngày 25/11/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là BPC.

Trụ sở chính của Công ty tại phường Lam Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì;
- Kinh doanh các loại bao bì từ nhựa, giấy;
- Xuất nhập khẩu bao bì các loại, thiết bị, vật tư và phụ tùng sản xuất bao bì.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Chứng khoán kinh doanh

Phản ánh giá trị các cổ phiếu Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh tại thời điểm báo cáo (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời).

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh, bao gồm giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Cổ tức của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Cổ tức được chia cho giai đoạn sau ngày chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính, riêng cổ tức nhận được bằng cổ phiếu do công ty cổ phần sử dụng thặng dư vốn cổ phần, các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để phát hành thêm cổ phiếu (chia cổ tức bằng cổ phiếu), Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh báo cáo tài chính, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và giá trị khoản đầu tư vào công ty cổ phần.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh là số chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường của chứng được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng, xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

2005
CỔ
ÁCH M
KIẾ
AN
BÀ T

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Năm
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 12
Máy móc thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 05

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Từ quý 4 năm 2016, Công ty thay đổi thời gian khấu hao ước tính của 3 tài sản cố định là Máy tạo sợi, máy dệt và máy dựng ống bao (giảm từ 96 tháng xuống còn 72 tháng và 60 tháng), số chi phí khấu hao tăng thêm của các máy này được tính toàn bộ vào giá thành sản phẩm sản xuất trong quý 4 năm 2016. Ảnh hưởng của việc thay đổi thời gian khấu hao này đã làm chi phí khấu hao năm 2016 của 3 tài sản cố định trên của Công ty tăng thêm khoảng 5 tỷ đồng so với mức khấu hao bình quân các năm trước.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về các khoản chi phí thực tế phải trả, số tiền phải trả cho các dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: Lãi tiền vay; trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép và các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài phải trả khác trong đó:

Chi phí lãi vay được ước tính dựa trên số tiền vay, thời hạn và lãi suất thực tế từng kỳ theo từng kế ước vay;

Chi phí dịch vụ mua ngoài phải trả khác được ghi nhận dựa trên số tiền thực tế phải trả cho các dịch vụ đã sử dụng trong kỳ nhưng chưa có hóa đơn tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi và cổ tức, lợi nhuận được chia... Cụ thể như sau:

- Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng theo thông báo của ngân hàng;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận theo thông báo của bên chia cổ tức, lợi nhuận.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay như phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả chi phí lãi vay khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. TIỀN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	118.265.100	104.926.200
Tiền gửi ngân hàng	9.873.172.403	863.858.987
Cộng	<u>9.991.437.503</u>	<u>968.785.187</u>

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chứng khoán kinh doanh

	<u>Tại ngày 31/12/2016</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND
Cổ phiếu Công ty CP Xi măng Vicem Bim Sơn	290.400	345.000	-
Cổ phiếu Công ty CP Xi măng Vicem Hải Vân (*)	840.000	490.000	350.000
Cổ phiếu Công ty CP Vận tải biển Việt Nam	286.500.000	16.050.000	270.450.000
Cổ phiếu Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai	2.952.000.000	1.134.000.000	1.818.000.000
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	1.757.824.150	1.486.205.800	271.618.350
Cộng	<u>4.997.454.550</u>	<u>2.637.090.800</u>	<u>2.360.418.350</u>

	<u>Tại ngày 01/01/2016</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND
Cổ phiếu Công ty CP Xi măng Vicem Bim Sơn	290.400	268.000	22.400
Cổ phiếu Công ty CP Đá xây dựng Hòa Phát	840.000	539.000	301.000
Cổ phiếu Công ty CP Vận tải biển Việt Nam	286.500.000	40.500.000	246.000.000
Cổ phiếu Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai	2.952.000.000	1.278.000.000	1.674.000.000
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	1.757.824.150	1.032.396.300	725.427.850
Cộng	<u>4.997.454.550</u>	<u>2.351.703.300</u>	<u>2.645.751.250</u>

(*) Từ tháng 6/2016, cổ phiếu của Công ty Đá xây dựng Hòa Phát đã được hoán đổi thành cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân với tỷ lệ hoán đổi là 1:1

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Số dư đầu năm	(2.645.751.250)	(2.479.544.850)
Trích lập dự phòng	(168.499.000)	(166.206.400)
Hoàn nhập dự phòng	453.831.900	-
Số dư cuối năm	(2.360.418.350)	(2.645.751.250)

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn	143.582.530.605	123.087.185.803
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	3.570.650.838	8.512.020.000
Các khách hàng khác	19.678.677.370	12.044.764.370
Cộng	166.831.858.813	143.643.970.173

Trong đó, Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn và Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai là các bên liên quan của Công ty.

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	23.866.900	-	40.507.400	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-	2.400.000.000	-
Các khoản phải thu khác	119.432.466	-	526.247.948	-
Cộng	143.299.366	-	2.966.755.348	-

9. NỢ XẤU

	Tại ngày 31/12/2016			
	Số ngày	Giá trị	Giá trị có	Dự phòng
	quá hạn	ghi sổ	thẻ thu hồi	
		VND	VND	VND
Công ty TNHH Hà Thịnh	Trên 3 năm	246.730.000	-	246.730.000
Cộng		246.730.000	-	246.730.000

	Tại ngày 01/01/2016			
	Số ngày	Giá trị	Giá trị có	Dự phòng
	quá hạn	ghi sổ	thẻ thu hồi	
		VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Xi măng Việt Trung	Trên 3 năm	20.304.000	-	20.304.000
Công ty TNHH Hà Thịnh	Trên 3 năm	256.730.000	-	256.730.000
Công ty Cổ phần Xi măng X18	Dưới 1 năm	544.583.000	381.208.100	163.374.900
Cộng		821.617.000	381.208.100	440.408.900

10. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Số dư đầu năm	(440.408.900)	(1.069.434.000)
Trích lập dự phòng	-	(163.374.900)
Hoàn nhập dự phòng	193.678.900	792.400.000
Số dư cuối năm	<u>(246.730.000)</u>	<u>(440.408.900)</u>

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.561.771.144	-	9.117.647.712	-
Công cụ, dụng cụ	145.306.852	-	76.441.312	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.774.399.838	-	4.158.418.289	-
Thành phẩm	9.448.091.911	-	5.233.021.833	-
Hàng hoá	268.939.637	-	-	-
Cộng	<u>26.198.509.382</u>	<u>-</u>	<u>18.585.529.146</u>	<u>-</u>

Công ty không có hàng tồn kho ứ đọng, kém mất phẩm chất tại thời điểm cuối kỳ.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2016	22.001.109.203	79.679.719.026	6.112.559.539	713.421.637	108.506.809.405
Mua trong năm	-	-	-	283.127.272	283.127.272
Tặng khác	880.582.475	-	-	-	880.582.475
Tại ngày 31/12/2016	<u>22.881.691.678</u>	<u>79.679.719.026</u>	<u>6.112.559.539</u>	<u>996.548.909</u>	<u>109.670.519.152</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2016	16.752.148.685	69.557.771.994	4.289.803.010	305.103.655	90.904.827.344
Khấu hao trong năm	1.559.775.662	8.306.159.978	503.504.877	167.178.418	10.536.618.935
Tại ngày 31/12/2016	<u>18.311.924.347</u>	<u>77.863.931.972</u>	<u>4.793.307.887</u>	<u>472.282.073</u>	<u>101.441.446.279</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2016	5.248.960.518	10.121.947.032	1.822.756.529	408.317.982	17.601.982.061
Tại ngày 31/12/2016	<u>4.569.767.331</u>	<u>1.815.787.054</u>	<u>1.319.251.652</u>	<u>524.266.836</u>	<u>8.229.072.873</u>
<i>Nguyên giá TSCĐ hết KH vẫn sử dụng</i>	9.143.628.513	53.788.304.902	2.815.535.797	133.628.545	65.881.097.757

Tài sản cố định là nhà cửa vật kiến trúc và máy móc thiết bị của Công ty được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Bim Sơn.

Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty về việc đầu tư dây chuyền sản xuất vỏ bao xi măng dán đáy để thay thế dần bao truyền thống KPK đang sản xuất, Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao ước tính của 3 tài sản cố định là Máy tạo sợi, máy dệt và máy dựng ống bao từ quý 4 năm 2016 (giảm từ 96 tháng về 72 tháng và 60 tháng) và tính vào giá thành sản phẩm sản xuất quý 4 năm 2016. Ảnh hưởng của việc thay đổi thời gian khấu hao này làm chi phí khấu hao năm 2016 của 3 tài sản cố định trên tăng thêm khoảng 5 tỷ đồng so với mức khấu hao bình quân các năm trước.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Đông Á	10.853.298.100	10.853.298.100	10.625.258.700	10.625.258.700
Công ty CP giấy Việt Nga	5.673.487.084	5.673.487.084	-	-
Công ty CP giấy Việt Pháp	4.479.382.380	4.479.382.380	-	-
Công ty TNHH XNK Trung Mỹ	5.216.062.500	5.216.062.500	-	-
Công ty CP Bao bì Đồng Phú	7.718.180.790	7.718.180.790	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Vân Long CDC	-	-	5.010.720.000	5.010.720.000
Công ty CP nhựa, bao bì Ngân Hạnh	-	-	3.517.500.000	3.517.500.000
Công ty TNHH Minh Khang	-	-	5.137.164.500	5.137.164.500
Các nhà cung cấp khác	7.064.377.271	7.064.377.271	8.164.716.459	8.164.716.459
Cộng	41.004.788.125	41.004.788.125	32.455.359.659	32.455.359.659

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
	Thuế giá trị gia tăng	788.742.587	7.514.150.385	8.302.892.972
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.019.820.096	4.285.611.997	4.386.272.837	919.159.256
Thuế thu nhập cá nhân	(92.342.081)	168.625.249	99.085.800	(22.802.632)
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	137.825.232	137.825.232	-
Các loại thuế khác	-	18.006.092	18.006.092	-
Cộng	1.716.220.602	12.124.218.955	12.944.082.933	896.356.624
<i>Trong đó:</i>				
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	92.342.081			22.802.632
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	1.808.562.683			919.159.256

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Lãi vay	57.363.333	33.991.111
Các khoản khác	297.539.000	935.245.875
Cộng	354.902.333	969.236.986

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	25.000.044	32.772.784
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	104.078.756	102.878.756
Các khoản phải trả, phải nộp khác	631.442.182	107.243.482
Cộng	760.520.982	242.895.022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2016		Trong năm		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả	Vay	Trả nợ	Giá trị	Số có khả
	VND	năng trả nợ	VND	VND	VND	năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn	60.000.000.000	60.000.000.000	152.600.000.000	145.000.000.000	52.400.000.000	52.400.000.000
Cộng	60.000.000.000	60.000.000.000	152.600.000.000	145.000.000.000	52.400.000.000	52.400.000.000

Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 300058024/2015-HĐTDHM/NHCT424 - VICEM BAOBI ngày 31/12/2015 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn. Hạn mức cho vay tối đa là 60 tỷ đồng. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay theo công bố của ngân hàng tại từng thời điểm nhận nợ. Tài sản đảm bảo là nhà cửa vật kiến trúc và máy móc thiết bị theo 02 (hai) hợp đồng thế chấp tài sản số 08.009.0207.MMTB/HĐTC ngày 07/07/2008 và hợp đồng số 08.009.0207.NX/HĐTC ngày 07/07/2008.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2015	38.000.000.000	4.590.000.000	35.907.473.479	8.937.049.261	87.434.522.740
Lãi trong năm	-	-	-	10.520.576.546	10.520.576.546
Trích lập các quỹ	-	-	1.352.528.682	(5.135.008.625)	(3.782.479.943)
Chia cổ tức	-	-	-	(3.800.000.000)	(3.800.000.000)
Giảm khác	-	-	-	(2.040.636)	(2.040.636)
Tại ngày 01/01/2016	38.000.000.000	4.590.000.000	37.260.002.161	10.520.576.546	90.370.578.707
Lãi trong năm	-	-	-	16.921.001.874	16.921.001.874
Trích lập các quỹ	-	-	2.384.230.618	(5.960.576.546)	(3.576.345.928)
Chia cổ tức	-	-	-	(4.560.000.000)	(4.560.000.000)
Tại ngày 31/12/2016	38.000.000.000	4.590.000.000	39.644.232.779	16.921.001.874	99.155.234.653

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	18.620.000.000	18.620.000.000
Vốn góp các cổ đông khác	19.380.000.000	19.380.000.000
Cộng	38.000.000.000	38.000.000.000

Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.800.000	3.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.800.000	3.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.800.000	3.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.800.000	3.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.800.000	3.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

Phân phối lợi nhuận

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	10.520.576.546	8.937.049.261
Lợi nhuận phát sinh trong năm	16.921.001.874	10.520.576.546
Phân phối lợi nhuận	10.520.576.546	8.937.049.261
- Trích quỹ đầu tư phát triển	2.384.230.618	1.352.528.682
- Chia cổ tức	4.560.000.000	3.800.000.000
- Trích quỹ thưởng ban điều hành	450.000.000	450.000.000
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	3.126.345.928	3.334.520.579
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	16.921.001.874	10.520.576.546

Trong năm 2016, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2015 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 262/NQ-BBBS ngày 14/4/2016.

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2016	01/01/2016
Ngoại tệ các loại		
USD	90,09	90,09
Nợ khó đòi đã xử lý	943.674.000	943.674.000
Công ty TNHH TMDL & XNK Thanh Long	373.360.000	373.360.000
Công ty Cổ phần Hà Anh	45.000.000	45.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Bắc Kạn	505.010.000	505.010.000
Công ty Cổ phần Xi măng Việt Trung	20.304.000	20.304.000

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	330.654.141.165	293.883.650.991
Doanh thu bán thành phẩm vỏ bao	329.921.661.280	292.973.044.420
Doanh thu bán sản phẩm khác	732.479.885	910.606.571
Các khoản giảm trừ doanh thu	6.229.480	5.221.920
Hàng bán bị trả lại	6.229.480	5.221.920
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	330.647.911.685	293.878.429.071

Doanh thu với các bên liên quan

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Son	230.716.940.480	210.368.764.460
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	23.413.735.800	32.778.000.000

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn thành phẩm vỏ bao	278.824.260.510	257.778.233.992
Giá vốn khác	-	430.173.000
Cộng	278.824.260.510	258.208.406.992

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	31.002.326	33.254.795
Cổ tức, lợi nhuận được chia	31.055.000	117.467.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	110.334	905.123
Cộng	62.167.660	151.626.918

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền vay	3.132.534.443	2.825.027.502
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(285.332.900)	166.206.400
Chi phí tài chính khác	2.335.249	1.194.043
Cộng	2.849.536.792	2.992.427.945

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	22.140.569.532	15.146.164.445
Chi phí nhân viên quản lý	7.491.020.649	6.198.392.929
Chi phí vật liệu quản lý	449.526.504	434.618.792
Chi phí đồ dùng văn phòng	894.680.941	429.459.181
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.305.957.790	1.449.576.088
Thuế, phí và lệ phí	487.637.977	433.967.282
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.546.922.248	1.767.205.413
Chi phí bằng tiền khác	9.138.198.323	5.061.969.860
Chi phí dự phòng	(173.374.900)	(629.025.100)
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	5.592.735.708	4.244.972.585
Chi phí vận chuyển	3.251.414.876	2.249.406.571
Chi phí bốc xếp	535.530.741	700.000.653
Chi phí bằng tiền khác	1.805.790.091	1.295.565.361

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	226.678.688.905	202.273.902.121
Chi phí nhân công	32.216.897.275	28.959.308.143
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.536.618.935	7.238.535.456
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.162.400.572	21.583.845.114
Chi phí khác bằng tiền	16.279.222.415	12.399.501.643
Cộng	313.873.828.102	272.455.092.477

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	21.206.613.871	13.520.771.700
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	221.446.112	116.479.000
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(31.055.000)	(117.467.000)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	252.501.112	233.946.000
Thu nhập chịu thuế	21.428.059.983	13.637.250.700
Thuế suất	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.285.611.997	3.000.195.154

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.921.001.874	10.520.576.546
Các khoản điều chỉnh		
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	3.576.345.928
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	16.921.001.874	6.944.230.618
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.800.000	3.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.453	1.827

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài giao dịch và số dư với các bên liên quan đã trình bày tại các Thuyết minh, Công ty có giao dịch khác với các bên liên quan như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn	2.203.102.906	8.304.043.921
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	457.470.000	438.370.974
Chi trả cổ tức		
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	2.234.400.000	2.110.000.000

Thu nhập của Ban điều hành

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Hội đồng quản trị	511.702.000	543.284.000
Thù lao Hội đồng quản trị	342.000.000	264.000.000
Các khoản khác	169.702.000	279.284.000
Ban Giám đốc	645.011.385	584.785.000
Lương	645.011.385	584.785.000
Cộng	1.156.713.385	1.128.069.000

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ 31/12/2016</u>	<u>Giá trị ghi sổ 01/01/2016</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.991.437.503	968.785.187
Phải thu khách hàng và phải thu khác	166.704.561.279	145.611.124.603
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.637.036.200	2.351.703.300
Cộng	<u>179.333.034.982</u>	<u>148.931.613.090</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	60.000.000.000	52.400.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	41.740.309.063	32.665.481.897
Chi phí phải trả	354.902.333	969.236.986
Cộng	<u>102.095.211.396</u>	<u>86.034.718.883</u>

Ngoài việc thực hiện các biện pháp dự phòng rủi ro theo hướng dẫn hiện hành của Bộ Tài chính đối với các khoản phải thu khó đòi, các khoản đầu tư bị tổn thất, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ hoạt động do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng và bán hàng. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2016.

5-C
FY
QU H
AN
T
-TP

Công ty đã áp dụng quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009 để trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Theo đó, mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2016 là 246.730.000 đồng (tại ngày 01/01/2016 là 440.408.900 đồng).

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát được tương ứng với nguồn vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận và được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Tại 31/12/2016			
Các khoản vay	60.000.000.000	-	60.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	41.740.309.063	-	41.740.309.063
Chi phí phải trả	354.902.333	-	354.902.333
Tại 01/01/2016			
Các khoản vay	52.400.000.000	-	52.400.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	32.665.481.897	-	32.665.481.897
Chi phí phải trả	969.236.986	-	969.236.986

Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Tại 31/12/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.991.437.503	-	9.991.437.503
Phải thu khách hàng và phải thu khác	166.704.561.279	-	166.704.561.279
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.637.036.200	-	2.637.036.200
Tại 01/01/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	968.785.187	-	968.785.187
Phải thu khách hàng và phải thu khác	145.611.124.603	-	145.611.124.603
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.351.703.300	-	2.351.703.300

Đầu tư tài chính ngắn hạn như đã trình bày tại Thuyết minh số 6 là đầu tư vào các chứng khoán sẵn sàng để bán. Ban giám đốc Công ty đánh giá rằng có thể thanh lý các khoản đầu tư này tại bất kỳ thời điểm nào, do đó phân loại khoản đầu tư này là tài sản tài chính phi phái sinh có thời gian thanh khoản ngắn hạn.



30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

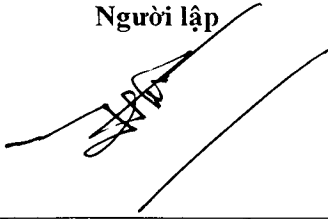
Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán.

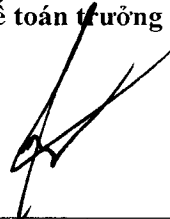
Thanh Hóa, ngày 22 tháng 02 năm 2017

Người lập

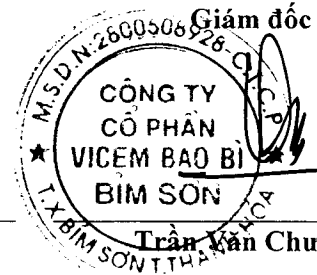


Nguyễn Đình Huy

Kế toán trưởng



Mai Việt Dũng



Trần Văn Chương